

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 01-2023

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thắng

Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lựa – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du: Bà Nguyễn Thị Tuyết-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. Xin vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Khoa D, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Khoa D ngày 09/02/2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng với anh D luôn. Quá trình chung sống hai vợ chồng có mâu thuẫn do anh D thường xuyên rượu chè và thỉnh thoảng có đánh chị, anh D không chịu đi làm, hay đặt điều và không quan tâm đến gia đình. Các mâu thuẫn trên kéo dài nhiều năm nay.

Đến tháng 8 năm 2022 chị đã bỏ ra thuê trọ ở riêng và hai vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau do chị chặn mọi liên lạc với anh D cũng như gia đình anh D. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/8/2016. Hiện nay cháu đang ở với bà ngoại và học ở Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ngọc. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đang làm công nhân mức lương khoảng 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Về công nợ: Không yêu cầu.

Phía bị đơn anh Nguyễn Khoa D trình bày: Anh nhất trí với chị T về điều kiện kết hôn nhưng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhiều khi chị T nhắn tin muộn anh có nhắc. Đến ngày 28/8/2022 chị T có xin về quê trong Nghệ An từ đó không về nhà. Anh có liên lạc nhưng chị T chặn số nên anh chỉ liên lạc qua mẹ vợ bảo chị T về nhưng chị T đi thuê trọ ở không về nhà. Nay chị T xin ly hôn anh thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 08/8/2016. Hiện nay cháu đang ở với bà ngoại và học ở Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ngọc vì chị T hiện cũng đang nuôi dưỡng hai con riêng. Anh hiện làm công nhân mức lương khoảng 12.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm được xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 08/8/2016. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ngọc. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Khoa D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt tại quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa không có lý do nên chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 28, 39, 147, 227 Bộ luật TTDS; Áp dụng Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 giải quyết cho chị T được ly hôn với anh D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/8/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem

xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn*” do nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện đối với bị đơn anh Nguyễn Khoa D ở thôn Hoài Thượng, xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Về thủ tục tố tụng:

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Khoa D ngày 09/02/2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh theo đúng quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp cần chấp nhận. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc.

Theo chị Nguyễn Thị T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh D thường xuyên rượu chè và thỉnh thoảng có đánh chị, anh D không chịu đi làm, không quan tâm đến gia đình. Các mâu thuẫn trên kéo dài nhiều năm nay. Đến tháng 8 năm 2022 chị đã bỏ ra thuê trọ ở riêng và hai vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau do chị chặn mọi liên lạc với anh D cũng như gia đình anh D. Phía anh D cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì chỉ do chị T nhấn tin muộn anh có nhắc và ngày 28/8/2022 chị T về quê và không về nhà vợ chồng không còn liên lạc với nhau do chị T chặn số liên lạc. Qua xác minh ông T – Trưởng thôn H cho biết anh D lấy chị T là lần thứ ba, vợ đầu của anh D có một cháu gái đang ở với mẹ; vợ hai thì có hai cháu gái và hai cháu đang ở với anh D. Về mâu thuẫn vợ chồng anh D, chị T ông không nắm rõ nhưng anh D là người không chín chu cho gia đình và hay uống rượu. Qua xác minh ông Định là bố anh D thì vợ chồng anh D không có mâu thuẫn gì lớn, hai vợ chồng hay cãi nhau nhưng không đánh nhau. Chị T và anh D quen nhau ở Malaixia khi về nước cũng không tổ chức cưới mà chỉ đi đăng ký. Chị T bỏ đi từ ngày 02/9/2022 đến nay không về và không liên lạc gì với gia đình. Ông có liên lạc với mẹ chị T bảo chị T về nhưng chị T không về. Anh D lấy chị T là lần ba, hiện nay anh D đang nuôi hai con của vợ hai nhưng đa phần là do ông bà lo cho hai cháu. Xét thấy, vợ chồng chị T, anh D không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng anh D, chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và anh D không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với pháp luật quy định.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 08/8/2016. Ly hôn chị T và anh D đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu. Xét thấy từ khi chị T bỏ đi đã mang theo cháu Ngọc và hiện nay cháu đang ở với

bà ngoại và học ở Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Mặt khác, hiện nay anh D đang nuôi dưỡng hai con chung với vợ hai nhưng theo ông Định là bố đẻ anh D thì việc lo cho hai cháu đều do hai vợ chồng ông lo. Xét hoàn cảnh, điều kiện thực tế của anh D thì giao cháu Ngọc cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Anh D có quyền thăm nom con chung. Vấn đề cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khoa D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/8/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Khoa D có quyền thăm nom con chung. Vấn đề cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0002198 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã L (Số 17/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Xuân Phong

